

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN

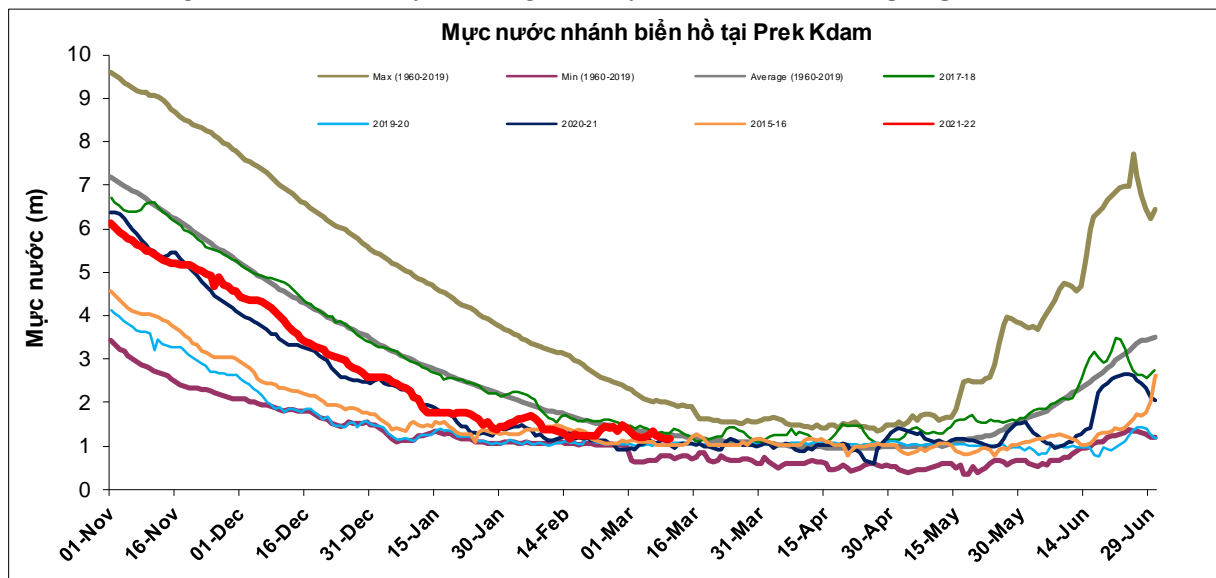
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC MÙA KIẾT NĂM 2022 (Tuần từ 10 – 17/03/2022)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy đến Kratie được cập nhật dưới đây.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mức nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 10/03 ở cao trình 1,15 m. Dung tích hồ hiện nay khoảng 2,73 tỷ m³, Biển Hồ đang ở giai đoạn xả nước.



Hình 1. Diễn biến nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 10/03/2022

1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

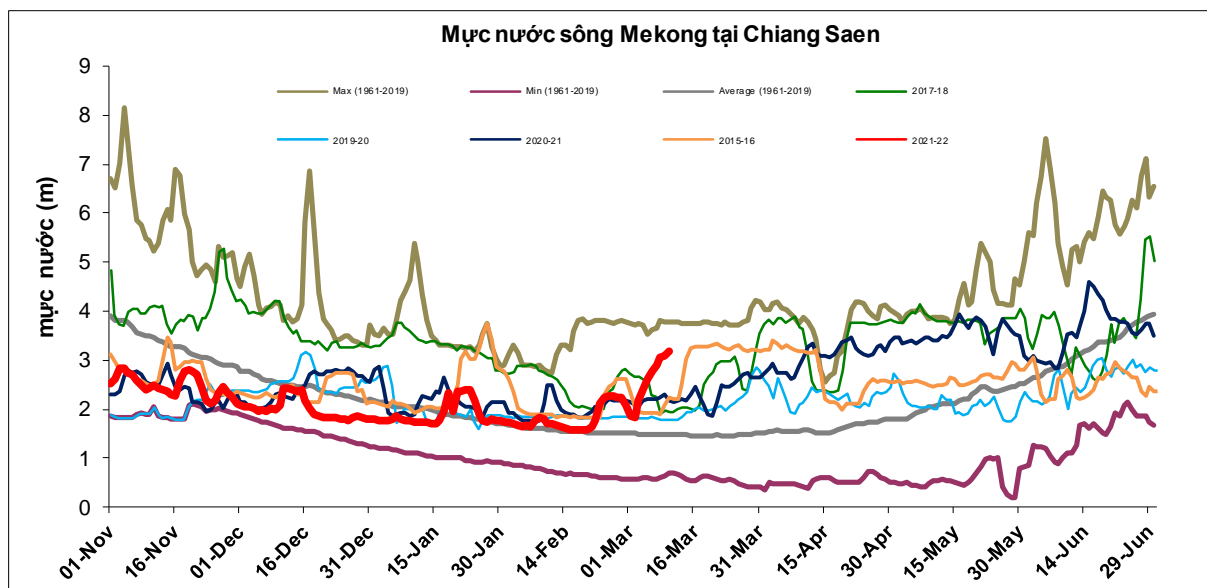
Bảng 1: So sánh mực nước* các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

Trạm	Đơn vị	Ngày 10/03/2022	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m ³) so với một số năm cùng thời điểm				
			Năm TB	2020-2021	2019-2020	2017-2018	2015-2016
Chiang Saen	m	3,17	1,68	0,98	1,37	1,22	0,94
Kratie	m	7,45	1,13	0,50	1,86	0,07	0,98
Prekdam	m	1,15	-0,10	0,12	0,13	-0,13	0,13
Dung tích hồ	Tỷ m ³	2,73	-0,05	0,28	0,89	-0,23	1,12

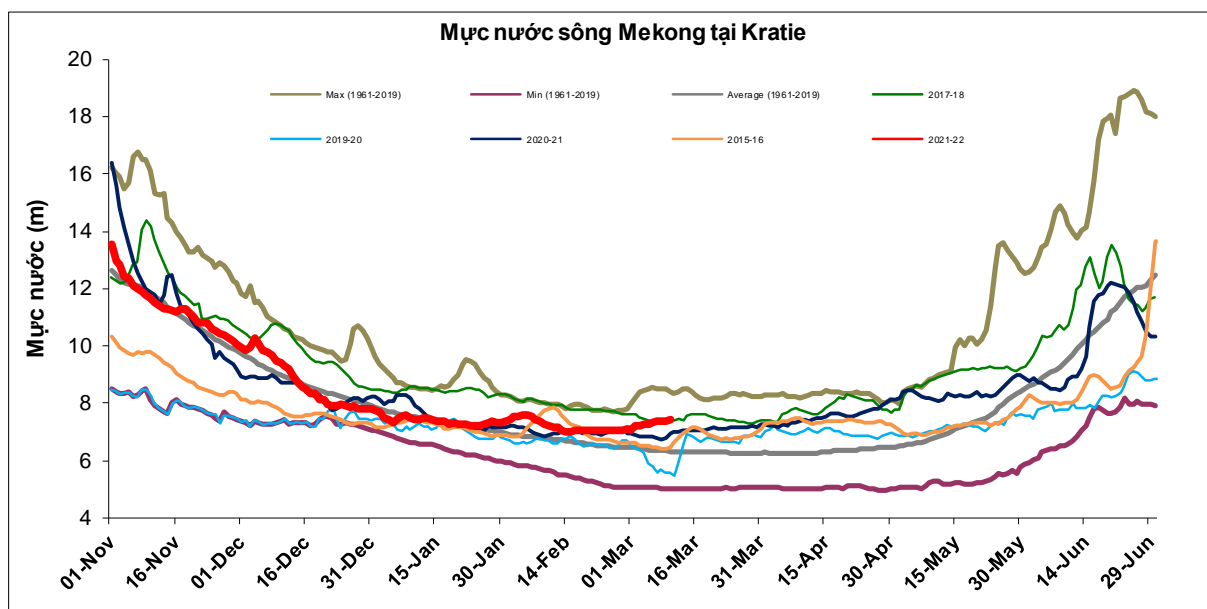
Ghi chú: *: cao độ mực nước các trạm thượng lưu theo số liệu của MRC là cao độ tương đối; (-) là thấp hơn

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước đến ngày 10/03/2022 tại trạm

Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:



Hình 2. Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan, cập nhật 10/03/2022



Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie, cập nhật ngày 10/03/2022

Bảng 2: So sánh mực nước lớn nhất cùng thời kỳ một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 10/03/2022	Mức nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (-) là thấp hơn				
		Năm TB	2016	2017	2018	2020
Tân Châu	1,32	0,19	0,21	0,13	0,19	-0,04
Châu Đốc	1,49	0,23	0,25	0,17	0,22	0,11
Mỹ Thuận	1,22	0,14	-0,01	0,08	0,14	-0,03
Cần Thơ	1,26	0,11	-0,11	0,09	0,13	-0,05

Dòng chảy về châu thổ sông Mê Công phụ thuộc vào điều tiết thủy điện, dòng chảy đầu nguồn đồng bằng sông Cửu Long thay đổi theo triều, cụ thể:

- Tại trạm Kratie: Mực nước trong tuần qua ổn định ở mức trên 7,0 m. Tính đến

khoảng 10-20 mm, đặc biệt ở vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh có thể lên tới 40 mm.

Dự báo ENSO đang ở pha lạnh, ảnh hưởng La Nina tiếp tục kéo dài đến tháng 5 sau nghiêng về trung tính, năm 2022 mưa dự báo xuất hiện sớm.

2.2. Diễn biến và dự báo nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Trong tuần, từ ngày 1/3 đến nay, các hồ chứa thuộc Trung Quốc có lưu lượng xả về hạ lưu đã tăng dần, ở thời điểm hiện tại lưu lượng đạt khoảng 2300 m³/s. Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công còn dung tích bình quân vào khoảng 57,3%, tương đương với tổng dung tích còn khoảng 37,4 tỷ m³.

Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL từ tháng 3 đến cuối mùa khô tại bảng 4. Lưu lượng bình quân ở mức cao hơn trung bình ở các tháng 3 và 4. Tuy vậy, diễn biến dòng chảy về Đồng bằng phụ thuộc khá lớn vào vận hành thủy điện ở thượng nguồn và có thể xảy ra các vận hành bất thường.

Bảng 4: So sánh lưu lượng dự báo tại Kratie 2021-2022 với một số năm

Tháng	QKratie (m ³ /s)	So với một số năm						
		Năm TB	2015-16	2016-17	2017-18	2018-19	2019-20	2020-21
3	3.170	1.196	586	-1.250	-375	-1.730	1.026	239
4	3.120	1.129	-289	-1.522	-1.012	-1.703	253	-553
5	3.500	208	258	-3.608	-2.470	-1.445	361	-1.503

Dự báo xâm nhập mặn lớn nhất trong tháng 3 với ranh mặn 1g/l trên sông Tiền 52-54 km, sông Hàm Luông 68-72 km, các cửa sông khác 54-60 km, trên hệ thống sông Vàm Cỏ mặn vào sâu 93-105 km. Ven biển Tây, có hệ thống thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé đã đi vào hoạt động, mặn đã chủ động kiểm soát. Chi tiết nguồn nước, xâm nhập mặn tại các vùng như dưới đây:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP, Cần Thơ, nguồn nước dồi dào, đảm bảo thực hiện các kế hoạch sản xuất.

- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP, Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre. Tháng 3, mặn có thể xâm nhập sâu đến 52-60 km (tuỳ cửa sông) làm ảnh hưởng thời đoạn đến các cửa lấy nước vào những ngày triều cao từ ngày 16-19/3/2022.

Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm ven biển các tỉnh ven biển ĐBSCL (Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và tỉnh Kiên Giang) được xem là có thể bị ảnh hưởng đến sản xuất cả mặn và ngọt ở vùng này. Mặn bất thường, hạn hán thiếu nước có thể xảy ra ở các vùng chưa có kiểm soát mặn triệt để. Vì vậy, cần tăng cường công tác giám sát mặn và cần cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên.

3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC TRONG THÁNG 3/2022

Tiềm năng nguồn nước tự nhiên về đồng bằng mùa kiệt 2021-2022 thuộc năm thủy văn ít nước. Tuy nhiên, do có điều tiết gia tăng từ các thủy điện trên lưu vực, mưa trái mùa diện rộng đã xuất hiện ở Đồng bằng. Nguồn nước cho sản xuất ở mùa kiệt năm nay ở mức tương đương với năm 2020-2021, xâm nhập mặn trong tháng 3/2022 vẫn còn ở mức cao, có thể diễn biến bất thường, nguy hiểm ở bất cứ thời điểm nào do vận hành thủy điện. Để chủ động giảm thiểu các thiệt hại do hạn mặn gây ra, các địa phương cần

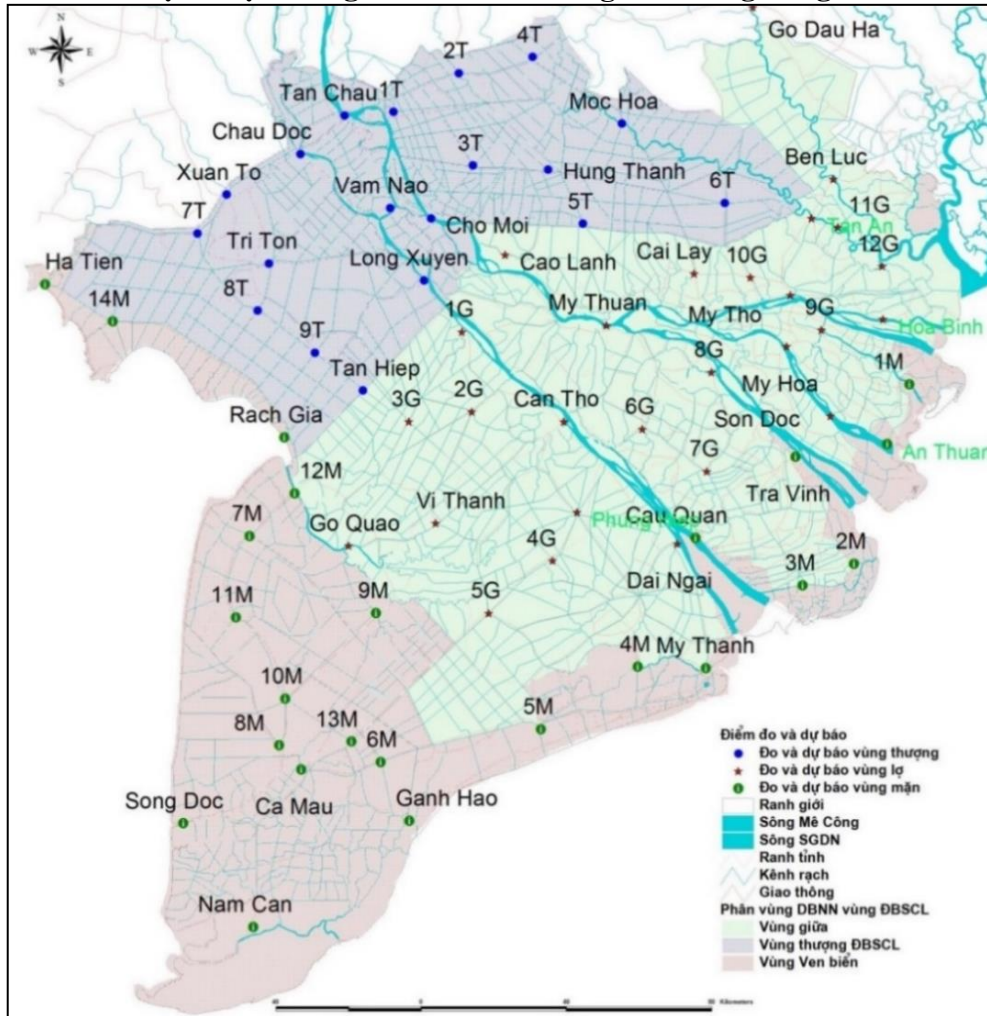
tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý chuyên ngành về lịch mùa vụ, cơ cấu cây trồng nhất là vùng cách biển đến 35-45 km, sau khi thu hoạch lúa Đông Xuân 2022 xong phải chờ nguồn nước ngọt trên sông ổn định hoặc chờ mưa diện rộng mới xuống giống vụ Hè Thu tiếp theo. Đồng thời phối hợp với các đơn vị quản lý và khai thác công trình thủy lợi, cập nhật lịch vận hành, tranh thủ lấy ngọt (khi độ mặn ngoài sông cho phép) để tích trữ nước ao, ruộng, mương liếp... . Đặc biệt, khi tưới cho cây trồng, nhất là khu vực trồng cây ăn quả (Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Sóc Trăng...) cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn trước khi tưới.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: dbnn.dbscl19@gmail.com
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toàn (di động: 0918 000 377)/.

Phụ lục 1: Bản đồ vị trí dự báo nguồn nước các vùng trên đồng bằng



Phụ lục 2: Cập nhật mực nước lớn nhất các vùng trên ĐBSCL

STT	Trạm	10/03	Ngày dự báo						
			11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	17/03
I. Vùng Thượng đồng bằng									
1	1T	1,01	1,02	1,03	1,03	1,02	1,01	1,01	1,02
2	2T	0,63	0,66	0,69	0,70	0,68	0,65	0,66	0,67
3	3T	0,72	0,78	0,84	0,83	0,77	0,71	0,72	0,76
4	4T	0,46	0,47	0,50	0,51	0,50	0,48	0,47	0,48
5	5T	0,95	0,98	1,02	1,01	0,96	0,93	0,95	0,97
6	6T	0,64	0,65	0,66	0,65	0,61	0,61	0,63	0,65
7	7T	0,27	0,27	0,27	0,26	0,26	0,27	0,28	0,30
8	8T	0,24	0,26	0,27	0,27	0,26	0,26	0,27	0,28
9	9T	0,35	0,38	0,40	0,40	0,39	0,37	0,37	0,38
10	Châu Đốc	1,49	1,48	1,48	1,49	1,49	1,49	1,50	1,51
11	Chợ Mới	1,18	1,20	1,20	1,19	1,19	1,18	1,18	1,20
12	Hưng Thạnh	0,95	0,99	1,03	1,03	0,99	0,96	0,96	0,98
13	Long Xuyên	1,37	1,38	1,33	1,31	1,32	1,34	1,37	1,43
14	Mộc hóa	0,57	0,58	0,60	0,60	0,58	0,56	0,56	0,58
15	Tân Châu	1,32	1,31	1,30	1,34	1,35	1,34	1,34	1,34
16	Tân Hiệp	0,36	0,39	0,41	0,41	0,40	0,39	0,38	0,38

STT	Trạm	10/03	Ngày dự báo						
			11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	17/03
17	Tri Tôn	0,47	0,48	0,50	0,49	0,48	0,48	0,49	0,50
18	Vàm Nao	1,45	1,48	1,48	1,46	1,46	1,45	1,46	1,48
19	Xuân Tô	0,33	0,34	0,36	0,34	0,31	0,30	0,32	0,35
II. Vùng Giữa đồng bằng									
1	1G	1,34	1,33	1,24	1,24	1,28	1,31	1,33	1,38
2	2G	0,67	0,70	0,71	0,69	0,62	0,62	0,66	0,69
3	3G	0,38	0,41	0,44	0,44	0,44	0,43	0,42	0,41
4	4G	0,57	0,57	0,55	0,52	0,49	0,51	0,56	0,61
5	5G	0,27	0,31	0,32	0,30	0,31	0,33	0,35	0,34
6	6G	1,11	1,04	0,92	1,08	1,18	1,24	1,26	1,30
7	7G	0,41	0,40	0,41	0,37	0,33	0,32	0,32	0,33
8	8G	1,17	1,11	1,16	1,26	1,32	1,33	1,34	1,34
9	9G	1,05	1,06	0,99	0,95	0,92	0,93	0,93	1,03
10	10G	1,02	1,00	0,95	1,02	1,06	1,08	1,10	1,09
11	11G	0,73	0,65	0,64	0,75	0,83	0,87	0,90	0,93
12	12G	0,81	0,70	0,72	0,89	1,02	1,09	1,12	1,16
13	Bến Lức	0,80	0,75	0,69	0,72	0,76	0,79	0,82	0,89
14	Cai Lậy	1,10	1,04	1,01	1,11	1,16	1,17	1,19	1,20
15	Cần Thơ	1,26	1,22	1,11	1,19	1,26	1,30	1,34	1,36
16	Cao Lãnh	1,26	1,28	1,27	1,23	1,22	1,21	1,21	1,26
17	Đại Ngãi	1,28	1,16	1,06	1,30	1,50	1,61	1,68	1,71
18	Gò Dầu Hạ	0,65	0,68	0,68	0,62	0,55	0,52	0,55	0,62
19	Gò Quao	0,61	0,64	0,65	0,66	0,65	0,64	0,62	0,61
20	Hòa Bình	0,96	0,83	0,87	1,06	1,17	1,25	1,26	1,29
21	Mỹ Hoá	1,17	1,07	1,04	1,17	1,24	1,30	1,32	1,32
22	Mỹ Tho	1,07	0,94	0,95	1,14	1,24	1,32	1,36	1,34
23	Mỹ Thuận	1,22	1,16	1,15	1,26	1,33	1,35	1,36	1,37
24	Phụng Hiệp	1,08	1,04	0,92	1,02	1,11	1,15	1,19	1,21
25	Sơn Đốc	1,08	0,97	0,99	1,16	1,30	1,37	1,43	1,46
26	Tân An	0,85	0,76	0,75	0,87	0,96	1,01	1,03	1,06
27	Vị Thanh	0,55	0,57	0,59	0,59	0,59	0,59	0,58	0,57
III. Vùng ven biển									
1	1M	1,01	0,90	0,94	1,12	1,24	1,31	1,32	1,36
2	2M	1,11	1,04	1,06	1,22	1,32	1,38	1,38	1,34
3	3M	1,12	1,02	0,98	1,19	1,34	1,44	1,47	1,47
4	4M	1,18	1,09	0,99	1,24	1,41	1,54	1,58	1,60
5	5M	1,24	1,12	0,95	1,19	1,35	1,45	1,48	1,53
6	6M	0,87	0,90	0,88	0,86	0,80	0,82	0,81	0,88
7	7M	0,33	0,35	0,36	0,35	0,35	0,35	0,34	0,33
8	8M	0,41	0,42	0,44	0,44	0,44	0,43	0,42	0,41
9	9M	0,32	0,35	0,36	0,35	0,35	0,34	0,33	0,31
10	10M	0,39	0,40	0,41	0,40	0,40	0,40	0,39	0,38
11	11M	0,34	0,36	0,37	0,37	0,37	0,36	0,35	0,34

STT	Trạm	10/03	Ngày dự báo						
			11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	17/03
12	12M	0,68	0,66	0,68	0,69	0,68	0,67	0,64	0,59
13	13M	0,30	0,32	0,31	0,29	0,31	0,32	0,33	0,31
14	14M	0,14	0,13	0,12	0,13	0,13	0,14	0,15	0,16
15	An Thuận	1,06	0,96	0,97	1,14	1,28	1,37	1,39	1,43
16	Cà Mau	0,62	0,63	0,70	0,74	0,73	0,69	0,67	0,66
17	Cầu Quan	1,21	1,12	1,00	1,18	1,31	1,40	1,46	1,46
18	Gành Hào	1,24	1,12	0,97	1,09	1,25	1,39	1,46	1,51
19	Hà Tiên	0,16	0,16	0,16	0,17	0,18	0,19	0,20	0,20
20	Mỹ Thanh	1,32	1,19	1,09	1,35	1,55	1,65	1,72	1,69
21	Năm Căn	1,09	1,00	0,91	0,90	0,92	0,99	1,10	1,21
22	Rạch Giá	0,16	0,16	0,16	0,17	0,18	0,19	0,20	0,20
23	Sông Đốc	0,96	0,96	0,95	0,95	0,93	0,92	0,89	0,85
24	Trà Vinh	1,32	1,28	1,32	1,46	1,56	1,59	1,57	1,57

Phụ lục 3: Cập nhật và dự báo độ mặn lớn nhất một số trạm chính vùng trên ĐBSCL

Ngày	10/03	11/03	12/03	13/03	14/03	15/03	16/03	17/03
An Thuận	26,48	26,72	26,74	26,96	27,25	27,38	27,37	26,93
Cầu Quan	12,03	12,08	11,95	11,71	11,63	11,88	12,43	12,99
Gành Hào	28,53	28,41	28,29	28,41	28,55	28,64	28,71	28,74
Mỹ Thanh	11,46	11,41	10,89	10,96	10,81	10,79	10,93	11,07
Sông Đốc	29,77	29,77	29,76	29,74	29,71	29,67	29,62	29,58
Trà Vinh	1,48	1,50	1,41	1,38	1,29	1,23	1,18	1,05
Gò Quao	2,03	1,85	1,58	1,40	1,24	1,19	1,25	1,23
Vàm Kênh	19,83	20,67	21,24	20,24	18,49	17,36	17,57	18,27
Mỹ Hóa	2,70	2,72	2,83	2,71	2,13	2,42	1,89	1,72
Đại Ngãi	2,06	1,64	1,93	1,92	2,04	1,98	2,98	3,39